

**BỘ Y TẾ****BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 02/2010/TT-BYT****Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2010****THÔNG TƯ****ban hành Danh mục thuốc bổ sung sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi  
thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế**

*Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em ngày 25 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Luật dược số 34/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dược;*

*Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2009 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc chữa*

*bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;*

*Để đáp ứng yêu cầu điều trị và bảo đảm quyền lợi về thuốc chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc bổ sung sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế và hướng dẫn thực hiện như sau:*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này “Danh mục thuốc bổ sung sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế”.

**Điều 2.** Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này bổ sung Danh mục thuốc ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và chỉ sử dụng để thanh toán theo chế độ bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Danh mục thuốc ban hành kèm theo Thông tư này được áp dụng tại cơ sở

khám, chữa bệnh công lập, ngoài công lập có ký hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và có khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

**Điều 3.** Hướng dẫn sử dụng Danh mục và thanh toán chi phí tiền thuốc sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi

1. Danh mục thuốc ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm 54 thuốc/hoạt chất tân dược và 4 thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và được sắp xếp theo nguyên tắc và các nhóm như Danh mục quy định tại Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Y tế. Các thuốc trong Danh mục thuốc ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Y tế và trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này chỉ được sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi nếu có chỉ định và liều dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi ghi trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp.

2. Thuốc được sử dụng theo phân hạng bệnh viện đúng quy định về tuyến sử dụng, phù hợp với chuyên khoa và phân cấp quản lý, thực hành kỹ thuật y tế. Trường hợp bệnh viện tuyến dưới đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện các dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện tuyến cao hơn theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật thì bệnh viện được sử dụng thuốc quy định đối với bệnh viện ở tuyến chuyên môn cao hơn. Ví dụ, một bệnh viện hạng III đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện một số dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện hạng II thì bệnh viện được sử dụng các thuốc mà bệnh viện

hạng II được sử dụng theo quy định tại Danh mục.

Danh sách bệnh viện tuyến dưới được phép thực hiện các dịch vụ kỹ thuật của tuyến cao hơn và danh mục các thuốc được sử dụng do Sở Y tế quy định.

3. Thuốc được xếp nhóm này dùng điều trị bệnh thuộc nhóm khác được quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán nếu thuốc có chỉ định hoặc có tác dụng dược lý như đăng ký trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp.

4. Thuốc thành phẩm có phối hợp nhiều hoạt chất được quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán nếu các hoạt chất đều có ở dạng thuốc đơn chất trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 hay trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp thuốc có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Y tế và trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này; thuốc thành phẩm được quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán như quy định tại khoản 4 Điều này nhưng khác đường dùng, dạng dùng như ghi trong Danh mục: quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán nếu thuốc có đường dùng, dạng dùng thuận tiện, phù hợp với trẻ em như: si-rô, bột thơm, cốm, nhũ dịch, dạng xịt.

6. Các thuốc trong nhóm điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch:

6.1. Đối với các thuốc chỉ để điều trị ung thư, kể cả các thuốc ngoài Danh mục

quy định của Bộ Y tế, thì chỉ được sử dụng tại các Trung tâm ung bướu, Viện hay Bệnh viện ung bướu, Viện hay Bệnh viện có khoa Ung bướu và phải do bác sỹ được đào tạo về chuyên ngành ung bướu chỉ định.

6.2. Đối với các thuốc điều trị ung thư nhưng còn có chỉ định điều trị các bệnh khác không phải ung thư thì được sử dụng tại các bệnh viện hay các khoa lâm sàng khác ngoài khoa Ung bướu theo phác đồ điều trị của bệnh viện nhưng phải có hội chẩn với bác sỹ chuyên khoa ung bướu để bảo đảm an toàn và hiệu quả điều trị.

7. Các thuốc có đánh dấu (\*) là thuốc dự trữ, chỉ sử dụng khi các thuốc khác trong nhóm không có hiệu quả điều trị và phải được hội chẩn trước khi chỉ định sử dụng. Trường hợp cấp cứu, bác sỹ điều trị có thể chỉ định sử dụng ngay, sau đó tiến hành hội chẩn sau.

8. Để tránh thanh toán trùng lặp, những thuốc có trong Danh mục nhưng đã được tính trong chi phí của dịch vụ kỹ thuật để thanh toán thì quỹ Bảo hiểm y tế không thanh toán thêm.

**Điều 4.** Xây dựng danh mục thuốc cụ thể của mỗi cơ sở khám, chữa bệnh và trách nhiệm của cơ sở khám, chữa bệnh

1. Căn cứ Danh mục thuốc ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Y tế và Danh mục thuốc ban hành kèm theo Thông tư này; căn cứ tuyến chuyên môn kỹ thuật và mô hình bệnh tật, cơ sở khám, chữa bệnh xây dựng Danh mục thuốc của đơn vị để sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi. Việc lựa chọn thuốc thành phẩm cụ thể

để sử dụng tại cơ sở khám, chữa bệnh theo nguyên tắc: ưu tiên lựa chọn thuốc generic, thuốc đơn chất, thuốc sản xuất trong nước, thuốc của các doanh nghiệp được đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), để thống nhất trong cung ứng, sử dụng và thanh toán với quỹ Bảo hiểm y tế theo chế độ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm bảo đảm cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời, không để người bệnh tự mua, kể cả thuốc điều trị ung thư, thuốc chống thải ghép ngoài danh mục được thanh toán bảo hiểm y tế theo quy định; tuân thủ quy chế kê đơn, chỉ định và sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý.

3. Cơ sở khám, chữa bệnh chưa có khoa Ung bướu cần có kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên khoa và thành lập khoa Ung bướu theo quy hoạch của Bộ Y tế, đáp ứng yêu cầu điều trị của người bệnh cũng như quy chế công tác chuyên môn của Khoa Ung bướu theo quy định của Bộ Y tế.

#### **Điều 5.** Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Triệu

**DANH MỤC**

**thuốc bổ sung sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc  
phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BYT*

*ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Y tế)*

**A. NHÓM THUỐC TÂN DƯỢC**

TT	Tên thuốc/ hoạt chất	Đường dùng và/hoặc dạng dùng	Tuyến sử dụng			
			BV hạng Đặc biệt và Hạng I	BV Hạng II	BV Hạng III	BV Hạng IV và PKĐK
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I. THUỐC GÂY TÊ, MÊ</b>						
1	Lidocaine + prilocaine	Dùng ngoài	x	x	x	x
<b>IV. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC</b>						
2	Deferoxamin	Uống	x	x		
3	Polystyren sulfonat natri	Thụt hậu môn	x	x		
<b>IV. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN</b>						
<b>6.3. Thuốc chống vi-rút</b>						
4	Ganciclovir (*)	Truyền tĩnh mạch; Uống	x			
<b>6.4. Thuốc chống nấm</b>						
5	Amphotericin B (*)	Uống	x	x		
6	Nystatin	Viên/bột đánh tưa lưỡi	x	x	x	x
<b>6.2.10. Thuốc khác</b>						
7	Teicoplanin (*)	Tiêm	x			
<b>VIII. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH</b>						
<b>8.1. Thuốc điều trị ung thư</b>						
8	All-trans retinoic acid	Uống	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	Vinorelbine	Tiêm; Uống	x			
8.2. Thuốc điều hòa miễn dịch						
10	Busulfan	Uống	x			
11	Ciclosporin	Uống; Tiêm; Truyền tĩnh mạch	x			
12	Mycophenolate mofetil	Uống	x			
13	Thymogam	Uống	x			
XI. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU						
11.1. Thuốc chống thiếu máu						
14	Sắt fumarat + acid folic	Uống	x	x	x	x
15	Sắt sulfat + vitamin B <sub>1</sub> + vitamin B <sub>6</sub> + vitamin B <sub>12</sub>	Uống	x	x	x	x
XI. THUỐC TIM MẠCH						
12.2. Thuốc chống loạn nhịp						
16	Deslanoside	Tiêm	x			
12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp						
17	Diazoxid	Tiêm; Uống	x	x		
12.5. Thuốc điều trị suy tim						
18	Milrinone	Tiêm	x			
12.6. Thuốc chống huyết khối						
19	Prostaglandin E1	Tiêm	x			
12.8. Thuốc khác						
20	Cacdioplaza	Tiêm	x			
21	Desoxycortone acetate	Tiêm	x			
22	Dexchlopheniramin	Tiêm	x			
XVII. THUỐC DỪNG ĐƯỜNG TIÊU HÓA						
17.2. Thuốc chống nôn						
23	Metoclopramid	Đặt hậu môn	x	x	x	x

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	17.5. Thuốc điều trị tiêu chảy					
24	Gelatin tannate	Uống	x	x	x	
25	Glucose khan + natri clorid + natri citrat + kali clorid	Uống	x	x	x	x
26	Saccharomyces boulardii	Uống	x	x	x	x
	17.7. Thuốc khác					
27	Ursodeoxycholic acid	Uống	x	x		
	XVIII. HOC-MÔN VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT					
	18.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế					
28	Hydrocortisone	Uống;	x	x	x	
29	Prednison	Uống	x	x	x	
30	Prednisolone metasulfobenzoate natri	Uống	x	x		
31	Triptorelin (*)	Tiêm	x	x		
32	Vitamin H	Uống	x	x		
	18.5. Thuốc điều trị bệnh đái tháo nhạt					
33	Vasopressin	Uống	x	x		
	XX. THUỐC GIÃN CƠ HOẶC ỨC CHẾ CHOLINESTERASE					
34	Clostridium botulinum type A toxin (*)	Tiêm	x			
	XXIV. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN					
	24.1. Thuốc an thần					
35	Calci bromid + cloral hydrat + natri benzoat	Uống	x	x	x	x
36	Lorazepam	Tiêm	x			
37	Paraldehyd	Thụt hậu môn	x	x	x	
	XXV. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP					
	25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính					
38	Cafein citrate	Tiêm	x	x	x	
39	Natri montelukast (*)	Uống	x	x	x	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
40	Terbutaline sulphate + guaiphenesin	Uống	x	x	x	
XXVI. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC						
41	Glycerin + fructose + natri clorid	Tiêm truyền	x	x		
XXVII. VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT						
42	Calci carbonat	Uống	x	x	x	x
43	Kẽm gluconate	Uống	x	x	x	x
44	Magnesi clorid	Tiêm	x			
45	Magnesi clorid + kali clorid + procaine hydroclorid	Tiêm	x			
46	Lysine hydroclorid + calci glycerophosphat + acid glycerophosphic + vitamin B <sub>1</sub> + vitamin B <sub>2</sub> + vitamin B <sub>6</sub> + vitamin E + vitamin PP	Uống	x	x	x	
47	Sắt clorid + kẽm clorid + mangan clorid + đồng clorid + crôm clorid + natri molybdat dihydrat + natri selenid pentahydrat + natri fluorid + kali iodid	Tiêm	x	x		
48	Sắt sulfat + lysine hydroclorid + vitamin A + vitamin D + vitamin B <sub>1</sub> + vitamin B <sub>2</sub>	Uống	x	x	x	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	+ vitamin B <sub>3</sub> + vitamin B <sub>6</sub> + vitamin B <sub>12</sub> + calci glycerophosphat + magnesi gluconat					
49	Tricalciphosphat	Uống	x	x	x	x
50	Vitamin B <sub>5</sub>	Tiêm; Uống; Dùng ngoài	x	x		
51	Vitamin B <sub>12</sub>	Tiêm	x	x	x	x
52	Vitamin E	Tiêm	x			
53	Vitamin PP	Tiêm	x	x	x	
<b>XXVIII. THUỐC KHÁC</b>						
54	Lauromacrogol	Tiêm	x	x		
<b>B. NHÓM THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU</b>						
1	Cao artiso + cao biển súc + bột bìm bìm	Uống	x	x	x	x
2	Cao lá thường xuân khô	Uống	x	x		
3	Cao lỏng râu mèo + cao lỏng artiso + sorbitol	Uống	x	x	x	x
4	Than hoạt + cao cam thảo + calci carbonat + tricalci phosphat	Uống	x	x	x	x

Ghi chú: Danh mục này không ghi hàm lượng, nồng độ, thể tích, khối lượng đóng gói, dạng đóng gói của từng thuốc và được hiểu rằng bất kể hàm lượng, nồng độ, thể tích, khối lượng đóng gói, dạng đóng gói nào của thuốc có trong Danh mục đều được quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán./.

**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Triệu